

<p>2. Kinh Sa-môn Quả</p>	<p>2. <i>The Fruits of the Homeless Life - The Greater Discourse on Ways of Undertaking Things (Sāmaññaphala Sutta)</i></p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Maurice Walshe)</p>
<p>2. Kinh Salmon quả (P. S. <i>Sāmaññaphala Sutta</i>, H. 沙門果經) tương đương kinh cùng tên trong bộ <i>Trường A-hàm</i>.² Nhân dịp Vua Ajātasattu nhờ đức Phật cứu độ về tội giết cha, đức Phật giải thích tác hại tà thuyết của sáu ngoại Đạo sư: (i) Thuyết Không có nghiệp báo của Pūraṇa Kassapa; (ii) Thuyết Luân hồi tịnh hóa của Makkhali Gosāla; (iii) Thuyết Đoạn diệt của Ajita Kesakambala; (iv) Thuyết Bảy thân bất hoại của Pakudha Kaccāyana; (v) Thuyết Lỏa thể với bốn cấm giới của Nigaṇṭha Nāṭaputta; (vi) Thuyết Ngụy biện của Sañjaya Belatṭhaputta. Đồng thời, đức Phật giải thích về các công đức của bậc chân tu: Được kính nể, tăng trưởng đạo đức, làm chủ giác quan, chánh niệm tỉnh giác, thiếu dục tri túc, dứt năm trói buộc tâm, chứng đắc bốn thiên, thành tựu trí tuệ, đạt được các thần thông và giải thoát tri kiến.</p>	<p>2. <i>Sāmaññaphala Sutta: The Fruits of the Homeless Life</i>. King Ajātasattu of Magadha, who gained the throne by parricide, comes to the Buddha with a question he has already posed in vain to six rival ‘philosophers’: What are the fruits, visible here and now (in this life) of the life of renunciation? The Buddha tells him, and then goes on to speak of the higher benefits, the various meditative states, and finally true liberation (this section recurs in the next eleven Suttas). The King, deeply impressed, declares himself a lay-follower. The Buddha later tells his disciples that but for his crime Ajātasattu would have become a Stream-winner by the ‘opening of the Dhamma-eye’.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Maurice Walshe</p>
<p>1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá) nơi vườn xoài của Jīvaka (Kỳ-bà) Komārabhacca, cùng với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị.</p> <p>Lúc bấy giờ Ajātasattu (A-xà-thế) con bà Vihehi (Vi-đề-hi) vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) nhân lễ Bồ Tát vào ngày rằm tháng tư Komudi (cây sủng) đang ngồi trên lầu cao trang</p>	<p>[47] 1. THUS HAVE I HEARD. Once the Lord was staying at Rājagaha, in Jīvaka Komārabhacca’s⁹¹ mango-grove, together with a large company of some twelve hundred and fifty monks.</p> <p>And at that time King Ajātasattu Vedehiputta⁹² of Magadha, having gone up to the roof of his palace, was sitting there surrounded by his ministers, on the fifteenth-</p>

nghiêm, chung quanh có nhiều đại thần hầu hạ.

Lúc bấy giờ Ajātasattu con bà Videhi, vua xứ Magadha, nhân ngày Bồ Tát cảm hứng nói rằng: "Thật khả ái thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật diễm lệ thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật mỹ miều thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật êm dịu thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng! Thật điềm lành thay, này các khanh, đêm rằm sáng trăng!"

Nay chúng ta nên đến chiêm bái vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nhờ sự chiêm bái này tâm chúng ta được tịnh tín?"

2. Khi nghe nói vậy, một đại thần tâu với Ajātasattu, con bà Videhi vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Pūraṇa Kassapa (Phú-la Ca-diếp) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thành."

Mong Đại vương đến chiêm bái Pūraṇa Kassapa này. Chiêm bái Pūraṇa Kassapa có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín". Khi nghe nói vậy Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

3. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Makkhali Gosāla (Mặc-già-lê Cù-xá-lợi) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thành."

Mong Đại vương chiêm bái Makkhali Gosāla này. Chiêm bái vị Makkhali Gosāla có thể khiến tâm Đại vương được

day fast-day,⁹³ the full-moon of the fourth month,⁹⁴ called Komudi.⁹⁵

And King Ajātasattu, on that fast-day, gave vent to this solemn utterance: 'Delightful, friends, is this moonlight night! Charming is this moonlight night! Auspicious is this moonlight night!

Can we not today visit some ascetic or Brahmin, to visit whom would bring peace to our heart?'⁹⁶

2. Then one minister said to King Ajātasattu: 'Sire, there is Pūraṇa Kassapa, who has many followers, a teacher of many, who is well-known, renowned, the founder of a sect, highly honoured by the multitude, of long standing, long-since gone forth, aged and venerable.

May Your Majesty visit this Pūraṇa Kassapa. He may well bring peace to Your Majesty's heart.' At these words King Ajātasattu was silent.

3. Another minister said: 'Sire, there is [48] Makkhali Gosāla, who has many followers ...

He may well bring peace to your Majesty's heart.'
At these words King Ajātasattu was silent.

tịnh tín".

Khi nghe nói vậy. Ajātasattu, con bà Videhi vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

4. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Ajita Kesakambalī (A-kỳ-đa Kỳ-xá-khâm-bà-la) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng.

Mong Đại vương đến chiêm bái Ajita Kesakambalī này. Chiêm bái Ajita Kesakambalī có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín".

Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

5. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Pakudha Kaccāyana (Bà-phù-đa Ca-chiên-nê) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thượng.

Mong Đại vương đến chiêm bái Pakudha Kaccāyana này. Chiêm bái Pakudha Kaccāyana này có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín".

Khi nghe nói vậy. Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

6. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Sañjaya Belatthiputta (Tán-nhã-di Tỳ-la-phê-phát) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh

4. Another minister said: 'Sire, there is Ajita Kesakambalī ...'

At these words King Ajātasattu was silent.

At these words King Ajātasattu was silent.

5. Another minister said: 'Sire, there is Pakudha Kaccāyana ...'

6. Another minister said: 'Sire, there is Sañjaya Belatthiputta...'

At these words King Ajātasattu was silent.

vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thành.

Mong Đại vương đến chiêm bái Sañjaya Belathiputta này. Chiêm bái Sañjaya Belathiputta này có thể khiến tâm Đại vương tịnh tín".

Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

7. Lại một đại thần khác tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, có Nigantha Nātaputta (Ni-kiền-tử) là vị hội chủ, vị giáo trưởng, vị sư trưởng giáo hội, có tiếng tốt, có danh vọng, khai tổ giáo phái, được quần chúng tôn sùng, dồi dào kinh nghiệm lâu ngày, xuất gia đã lâu năm, đã đến tuổi trưởng thành.

Mong Đại vương đến chiêm bái Nigantha Nātaputta này. Chiêm bái Nigantha Nātaputta có thể khiến tâm Đại vương được tịnh tín".

Khi nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha yên lặng không nói gì.

8. Lúc bấy giờ Jīvaka Komārabhacca ngồi yên lặng cách Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha không xa bao nhiêu. Khi ấy Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, nói với Jīvaka Komārabhacca:

- Này khanh Jīvaka, sao ngươi lại yên lặng như vậy?

- Tâu Đại vương, chính tại vườn xoài này của chúng con, có Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện đang trú ngụ với đại chúng Tỷ-kheo một nghìn hai trăm năm mươi vị.

Thế Tôn Gotama có tiếng đồn tốt đẹp sau đây lan rộng:

7. Another minister said: 'Sire, there is [49] the Nigantha Nataputta, who has many followers, a teacher of many, who is well-known, ... aged and venerable.

May Your Majesty visit the Nigantha Nataputta. He may well bring peace to Your Majesty's heart.'

At these words King Ajātasattu was silent.

8. All this time Jīvaka Komārabhacca was sitting silently near King Ajātasattu. The King said to him:

'You, friend Jīvaka, why are you silent?'

'Sire, there is this Blessed Lord, the Arahant, the fully-enlightened Buddha staying in my mango-grove with a large company of some twelve hundred and fifty monks.

And concerning the Blessed Gotama this fair report has been spread about: "This Blessed Lord is an Arahant, a

"Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Đại vương hãy đến chiêm bái Thế Tôn này. Rất có thể, nhờ chiêm bái Thế Tôn, tâm của Đại vương được tịnh tín.

- Vậ khanh Jīvaka, hãy cho thắng kiệu voi.

- Vâng, tâu Đại vương.

9. Jīvaka Komārabhacca vâng theo lời dạy của Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, sai người thắng năm trăm con voi cái, và con vương tượng vua thường cỡi, rồi tâu với Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha: "Tâu Đại vương, các kiệu voi đã sẵn sàng. Ngài hãy làm những gì Ngài xem là phải thời".

Khi bấy giờ Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha biểu các cung phi leo lên năm trăm con voi cái mỗi người một con, còn mình thì leo lên vương tượng vua thường cỡi, xuất hành ra khỏi Rājagaha, dưới ánh sáng của các ngọn đuốc được cầm cao, với oai nghi của bậc đại vương, thẳng tiến đến vườn xoài của Jīvaka Komārabhacca.

10. Khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi đến không xa vườn xoài, ngài bỗng sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên. Lúc bấy giờ Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha sợ hãi, kinh hoàng, tóc dựng lên, nói với Jīvaka Komārabhacca:

- Này khanh Jīvaka, người phản ta chăng? Này khanh Jīvaka, người lường gạt ta chăng? Này khanh Jīvaka,

fully-enlightened Buddha, endowed with wisdom and conduct, the Well-Farer, Knower of the worlds, incomparable Trainer of men to be tamed,⁹⁷ Teacher of gods and humans, enlightened and blessed."

May Your Majesty visit the Blessed Lord. He may well bring peace to Your Majesty's heart.'

'Then, Jīvaka, have the riding-elephants made ready.'

9. 'Very good, Sire',

said Jīvaka, and he had five hundred she-elephants made ready, and for the King the royal tusker. Then he reported: 'Sire, the riding-elephants are ready. Now is the time to do as Your Majesty wishes.'

And King Ajātasattu, having placed his wives each on one of the five hundred she-elephants, mounted the royal tusker and proceeded in royal state, accompanied by torch-bearers, from Rājagaha towards Jīvaka's mango-grove.

10. And when King Ajātasattu came near the mango-grove he felt fear and terror, and his hair stood on end. And feeling [50] this fear and the rising of the hairs, the King said to Jīvaka:

'Friend Jīvaka, you are not deceiving me? You are not tricking me? You are not delivering me up to an enemy?

người nạp ta cho kẻ thù chẳng?

Tại sao trong một đại chúng lớn như thế này gần một nghìn hai trăm năm mươi vị, mà không có một tiếng đảnh hăng, không có một tiếng ho, không một tiếng ồn?

- Tâu Đại vương, thần không phản lại Ngài, thần không lường gạt Ngài, tâu Đại vương, thần không nạp Ngài cho kẻ thù, tâu Đại Vương, hãy đi thẳng tới; tâu Đại vương hãy đi thẳng tới. Tại chỗ kia trong căn nhà tròn chỗ có những ngọn đèn đang thấp sáng.

11. Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi cho đến chỗ voi có thể đi được, rồi xuống voi đi đến cửa căn nhà tròn. Khi đến nơi liền nói với Jīvaka Komārabhacca:

- Này khanh Jīvaka, Thế Tôn ở tại đâu?

- Tâu Đại vương, vị ấy là Thế Tôn. Tâu Đại vương, Thế Tôn ngồi dựa vào cột chính giữa, mặt hướng phía Nam, ngồi trước mặt chúng Tỷ-kheo.

12. Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha liền tiến đến chỗ Thế Tôn. Khi đến rồi, vua đứng một bên. Sau đi đứng một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha nhìn khắp chúng Tỷ-kheo đang yên lặng an tịnh như một hồ nước trong, cảm hứng nói rằng: "Mong hoàng tử Udāyibhadda (Ưu-đà-di-bạt-đà) cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của các vị Tỷ-kheo này vậy".

- Đại vương, hình như tâm trí của Đại vương nặng nhiều về tình thương thì phải?

How is it that from this great number of twelve hundred and fifty monks not a sneeze, a cough or a shout is to be heard?’

‘Have no fear, Your Majesty, I would not deceive you or trick you or deliver you up to an enemy. Approach, Sire, approach. There are the lights burning in the round pavilion.’

11. So King Ajātasattu, having ridden on his elephant as far as the ground would permit, alighted and continued on foot to the door of the round pavilion. Then he said:

‘Jīvaka, where is the Lord?’

‘That is the Lord, Sire. That is the Lord sitting against the middle column with his order of monks in front of him.’

12. Then King Ajātasattu went up to the Lord and stood to one side, and standing there to one side the King observed how the order of monks continued in silence like a clear lake, and he exclaimed: ‘If only Prince Udāyabhadda were possessed of such calm as this order of monks!’

‘Do your thoughts go to the one you love, Your Majesty?’

- Bạch Thế Tôn, con thương hoàng tử Udāyibhadda rất nhiều. Mong rằng hoàng tử Udāyibhadda cũng được sự trầm lặng như sự trầm lặng của chúng Tỷ-kheo này vậy.

13. Lúc bấy giờ Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha, đành lễ Thế Tôn, chấp tay vái chào chúng Tỷ-kheo, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề này, nếu Ngài cho phép con hỏi.

- Đại vương cứ hỏi tùy theo ý muốn của Đại vương.

14. - Cũng như các công nghệ chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, quân thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh,

nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các công nghệ chức nghiệp khác,

chúng hưởng được kết quả thiết thực hiện tại từ công nghiệp chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc.

Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên

‘Lord, Prince Udāyabhad⁹⁸ is very dear to me. If only he were possessed of the same calm as this order of monks!’

13. Then King Ajātasattu, having bowed down to the Lord and saluted the order of monks with [51] joined hands, sat down to one side and said:

‘Lord, I would ask something, if the Lord would deign to answer me.’

‘Ask, Your Majesty, anything you like.’

14. ‘Lord, just as there are these various craftsmen, such as elephant-drivers, horse-drivers, chariot-fighters, archers, standard-bearers, adjutants, army caterers, champions and senior officers, scouts, heroes, brave fighters, cuirassiers, slaves, sons, cooks, barbers, bathmen, bakers, garland-makers, bleachers, weavers, basket-makers, potters, calculators and accountants — and whatever other skills there are:

they enjoy here and now the visible fruits of their skills, they themselves are delighted and pleased with this, as are their parents, children and colleagues and friends,

they maintain and support ascetics and Brahmins, thus assuring for themselves a heavenly, happy reward tending towards paradise.

hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời.

Bạch Thế Tôn, Ngài có thể chỉ cho rõ ràng kết quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

15. - Này Đại vương, Đại vương có nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với các vị Sa-môn, Bà-la-môn khác chăng?

- Bạch Ngài, con nhớ đã hỏi câu hỏi ấy với Sa-môn, Bà-la-môn khác.

- Này Đại vương, hãy nói lại cho nghe, các vị ấy đã trả lời với Đại vương như thế nào, nếu Đại vương không thấy gì trở ngại.

- Bạch Thế Tôn, con không thấy gì trở ngại đối với đức Thế Tôn và các bậc như đức Thế Tôn.

- Vậy Đại vương hãy nói đi.

16. - Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pūraṇa Kassapa, khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pūraṇa Kassapa và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pūraṇa Kassapa:

"Ngài Kassapa, cũng như các công nghệ, chức nghiệp này, như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên súy, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh,

nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà làm vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản và các

Can you, Lord, point to such a reward visible here and now as a fruit of the homeless life?

15. 'Your Majesty, do you admit that you have put this question to other ascetics and Brahmins?'

'I admit it, Lord.'

'Would Your Majesty mind saying how they replied?'

'I do not mind telling the Lord, or one like him.' [52]

'Well then, Your Majesty, tell me.'

16. 'Once, Lord, I went to see Pūraṇa Kassapa.⁹⁹ Having exchanged courtesies, I sat down to one side and said:

"Good Kassapa, just as there are these various craftsmen,

...

công nghệ chức nghiệp khác, chúng hưởng được kết quả thiết thực, hiện tại công nghệ chức nghiệp của chúng.

Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho vợ con được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thọ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời.

Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

17. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Pūraṇa Kassapa đã nói với con: "Này Đại vương, tự làm hay khiến người làm, chém giết hay khiến người chém giết, đốt nấu hay khiến người đốt nấu, gây phiền muộn hay khiến người gây phiền muộn, gây áo não hay khiến người gây áo não, tự mình gây sợ hãi hay khiến người gây sợ hãi,

sát sanh, lấy cửa không cho, phá cửa nhà mà vào, cướp bóc, đánh cướp một nhà lẻ loi, chặn đường cướp giật, tư thông vợ người, nói láo, hành động như vậy không có tội ác gì.

Nếu lấy một bánh xe sắc bén giết hại tất cả chúng sanh trên cõi đất thành một đồng thịt, thành một chõng chít, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra tội ác.

Nếu có người đi trên bờ phía Nam sông Hằng giết hại, tàn sát, chém giết, khiến người chém giết, đốt nấu, khiến người đốt nấu, cũng không vì vậy mà có tội ác, mà gây ra

they enjoy here and now the visible fruits of their skills ... (as verse 14).

Can you, Kassapa, point to such a reward visible here and now as a fruit of the homeless life?"

17. 'At this, Lord, Pūraṇa Kassapa said: "Your Majesty, by the doer or instigator of a thing, by one who cuts or causes to be cut, by one who burns or causes to be burnt, by one who causes grief and weariness, by one who agitates or causes agitation,

who causes life to be taken or that which is not given to be taken, commits burglary, carries off booty, commits robbery, lies in ambush, commits adultery and tells lies, no evil is done.

If with a razor-sharp wheel one were to make of this earth one single mass and heap of flesh, there would be no evil as a result of that, no evil would accrue.

If one were to go along the south bank of the Ganges killing, slaying, cutting or causing to be cut, burning or causing to be burnt, there would be no evil as a result of

tội ác.

Nếu có người đi trên bờ phía Bắc sông Hằng bố thí, khiến người bố thí, tế lễ, khiến người tế lễ, cũng không vì vậy mà có phước báo".

18. Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pūraṇa Kassapa đã trả lời với thuyết vô nghiệp.

Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài.

Cũng vậy, Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả hiện tại thiết thực của hạnh Sa-môn, Pūraṇa Kassapa đã trả lời với thuyết vô nghiệp, bạch Thế Tôn, con nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng?"

Vì vậy bạch Thế Tôn, con không tán thán, cũng không cất nạn lời nói của Pūraṇa Kassapa. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng như không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

19. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Makkhali Gosāla (Mạt-già-lê-cù-xá-lợi). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào tụng thân hữu và xã giao với Makkhali Gosāla và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Makkhali

that, no evil would accrue.

Or if one were to go along the north bank of the Ganges giving and causing to be given, sacrificing and causing to be sacrificed, there would be no merit as a result of that, no merit would accrue. [53]

In giving, self-control, abstinence and telling the truth, there is no merit, and no merit accrues."

18. 'Thus, Lord, Pūraṇa Kassapa, on being asked about the present fruits of the homeless life, explained non-action to me.

Just as if on being asked about a mango he were to describe a breadfruit-tree, or on being asked about a breadfruit-tree he were to describe a mango,

so Pūraṇa Kassapa, on being asked about the present fruits of the homeless life, explained non-action to me. And, Lord, I thought: "How should one like me think despitefully of any ascetic or Brahmin dwelling in my territory?"¹⁰⁰

so I neither applauded nor rejected Pūraṇa Kassapa's words but, though displeased, not expressing my displeasure, saying nothing, rejecting and scorning speech, I got up and left.

19. 'Once I visited Makkhali Gosāla,¹⁰¹ and asked him the same question.

Gosāla: "Ngài Gosāla, cũng như các công kỹ nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

20. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, Makkhali Gosāla đã nói với con: "Này Đại vương, không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình bị nhiễm ô.

Không có nhân, không có duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh; vô nhân, vô duyên, các loài hữu tình được thanh tịnh.

Không có tự tác, không có tha tác, không có nhân tác, không có lực, không có tinh tấn, không có nhân lực, không có sự cố gắng của người.

Tất cả loài hữu tình, tất cả sanh vật, tất cả sinh loại, tất cả sinh mạng đều không tự tại, không lực, không tinh tấn. Chúng bị dắt dẫn, chi phối bởi định mệnh, bởi điều kiện bộ loại của chúng, bởi cá tánh của chúng. Chúng hưởng thọ khổ lạc, y theo sáu loại thác sanh của chúng.

Có tất cả là một triệu bốn trăm ngàn chủng loại thác sanh, lại có thể sáu ngàn và có thêm sáu trăm nữa.

Có năm trăm loại nghiệp và có năm nghiệp (theo năm căn), lại có ba nghiệp (về thân, khẩu, ý) lại có toàn nghiệp (thân và khẩu) và bán nghiệp (ý), có sáu mươi hai đạo, sáu mươi hai trung kiếp,

sáu giai cấp, tám nhân địa, bốn ngàn chín trăm sanh nghiệp, bốn ngàn chín trăm kẻ du hành, bốn ngàn chín trăm chỗ ở của loài Naga,

20. 'Makkahali Gosāla said: "Your Majesty, there is no cause or condition¹⁰² for the defilement of beings, they are defiled without cause or condition.

There is no cause or condition for the purification of beings, they are purified without cause or condition.

There is no self-power or other-power, there is no power in humans, no strength or force, no vigour or exertion.

All beings, all living things, all creatures, all that lives is without control, without power or strength, they experience the fixed course of pleasure and pain through the six kinds of rebirth.

There [54] are one million four hundred thousand principal sorts of birth, and six thousand others and again six hundred.

There are five hundred kinds of kamma,¹⁰³ or five kinds,¹⁰⁴ and three kinds,¹⁰⁵ and half-kamma,¹⁰⁶ sixty-two paths, sixty-two intermediary aeons,

six classes of humankind, eight stages of human progress, four thousand nine hundred occupations, four thousand nine hundred wanderers, four thousand nine hundred abodes of nagas,¹⁰⁷

hai nghìn căn, ba nghìn cảnh địa ngục, ba mươi sáu trần giới, bảy tướng thai, bảy vô tướng thai, bảy tiết thai (sinh từ đốt),

bảy loài thiên, bảy loài người, bảy loài quỷ, bảy hồ nước, bảy pavutas (rừng hay hồ nhỏ) bảy trăm pavutas bảy vực thẳm, bảy trăm papatas (vực thẳm), bảy mộng, bảy trăm mộng,

có tám trăm bốn mươi vạn đại kiếp, trong thời gian ấy kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau.

Không có lời nguyện: với giới hạnh này, với kỷ luật này, với khổ hạnh này hay với phạm hạnh này, tôi sẽ làm cho chín muồi những nghiệp chưa được thuần thực,

hoặc trừ diệt những nghiệp đã thuần thực bởi những nhân thọ liên tục, không thể đo lường khổ và lạc với những vật đo lường, trong khi luân hồi không có giảm tăng, không có thặng dư, thiếu thốn.

Ví như một cuộn chỉ được tung ra sẽ được kéo dài đến mức độ nào đó. Cũng như vậy, kẻ ngu và người hiền sau khi lưu chuyển luân hồi sẽ trừ tận khổ đau".

21. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết luân hồi tịnh hóa.

Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Makkhali Gosāla đã trả lời với thuyết luân hồi tịnh hóa. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn

two thousand sentient existences, three thousand hells, thirty-six places of dust, seven classes of rebirth as conscious beings, seven as unconscious beings, and seven as beings 'freed from bonds',¹⁰⁸

seven grades of devas, men, goblins, seven lakes, seven great and seven small protuberances,¹⁰⁹ seven great and seven small abysses, seven great and seven small dreams,

eight million four hundred thousand aeons during which fools and wise run on and circle round till they make an end of suffering.

"Therefore there is no such thing as saying: 'By this discipline or practice or austerity or holy life I will bring my un-ripened kamma to fruition, or I will gradually make this ripened kamma go away.'¹¹⁰

Neither of these things is possible, because pleasure and pain have been measured out with a measure limited by the round of birth-and-death, and there is neither increase nor decrease, neither excellence nor inferiority.

Just as a ball of string when thrown runs till it is all unravelled, so fools and wise run on and circle round till they make an end of suffering."

21. 'Thus, Lord, Makkhali Gosāla, on being asked about the fruits of the homeless life, explained the purification of the round of birth-and-death to me... [55]

hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng?

"Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cất nạn lời nói của Makkhali Gosāla; không tán thán, không cất nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

22. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Ajita Kesakambalī (A-kỳ-đa-xí-xá-khâm-bà-la) khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Ajita Kesakambalī, và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Ajita Kesakambalī: "Ngài Ajita Kesakambalī, cũng như các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể chỉ cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

23. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Ajita Kesakambalī đã nói với con: "Này Đại vương, không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh,

ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng tri giác ngộ đời này đời khác và truyền dạy lại.

Con người này do bốn đại hợp thành, khi mệnh chung, địa đại trở về trả lại cho địa giới, thủy đại trở về trả lại cho thủy giới, hỏa đại trở về trả lại cho hỏa giới, phong đại trở về trả lại cho phong giới, các căn nhập vào hư không.

So I neither applauded nor rejected Makkhali Gosāla's words but... got up and left.

22. 'Once I visited Ajita Kesakambalī¹¹¹ and asked him the same question.

23. 'Ajita Kesakambalī said: "Your Majesty, there is nothing given, bestowed, offered in sacrifice, there is no fruit or result of good or bad deeds, there is not this world or the next, there is no mother or father, there are no spontaneously arisen beings,¹¹²

there are in the world no ascetics or Brahmins who have attained, who have perfectly practised, who proclaim this world and the next, having realised them by their own super-knowledge.

This human being is composed of the four great elements, and when one dies the earth part reverts to earth, the water part to water, the fire part to fire, the air part to air, and the faculties pass away into space.

Bốn người gánh quan tài với người nằm trong quan tài là năm, gánh người chết mang đi đến chỗ hỏa táng, thốt ra những lời tán tụng, các xương trắng như màu bồ câu và những vật cúng dường trở thành tro bụi,

chỉ có người ngu mới tán dương sự bố thí, lời nói của chúng trống không, giả dối, khi chúng chấp thuyết có sự sống. Kẻ ngu cũng như người hiền, sau khi thân hoại mạng chung sẽ đoạn diệt, tiêu thất, không còn tồn tại sau khi chết.

"

24. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambalī đã trả lời với thuyết đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài, hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Ajita Kesakambalī đã trả lời với thuyết đoạn diệt. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng".

Vì vậy bạch Thế Tôn, con không tán thán, cũng không cật nạn lời nói của Ajita Kesakambalī. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

25. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Pakudha Kaccāyana (Bà-phù-đã-ca-chiên-diên). Khi đến nơi con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Pakudha Kaccāyana và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Pakudha Kaccāyana: "Ngài Pakudha Kaccāyana, cũng như các công nghệ chức nghiệp, như điều tượng sư... (như trên)... Bạch

They accompany the dead man with four bearers and the bier as fifth, their footsteps are heard as far as the cremation-ground. There the bones whiten, the sacrifice ends in ashes.

It is the idea of a fool to give this gift: the talk of those who preach a doctrine of survival is vain and false. Fools and wise, at the breaking-up of the body, are destroyed and perish, they do not exist after death."

24. 'Thus, Lord, Ajita Kesakambalī, on being asked about the fruits of the homeless life, explained the doctrine of annihilation to me ... [56]

... I got up and left.

25. 'Once I visited Pakudha Kaccāyana,¹¹³ and asked him the same question.

Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

26. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Pakudha Kaccāyana nói với con: "Này Đại vương, có bảy thân không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá.

Chúng bất động không chuyển biến, không xâm lăng nhau. Chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau hoặc cả khổ và lạc.

Bảy thân ấy là gì? Địa thân, thủy thân, hỏa thân, phong thân, khổ, lạc và thứ bảy là mạng. Bảy thân này không bị làm ra, không làm ra, không bị sáng tạo, không sáng tạo, không sanh sản, thường tại như đỉnh núi, đứng thẳng như trụ đá. Chúng bất động không chuyển biến, không xâm lăng, chúng không ảnh hưởng đến lạc hay khổ với nhau, hoặc cả khổ và lạc.

Ở đây không có người giết hại, hoặc có người bị giết hại, người nghe hoặc người nói, người biết hoặc người khiến cho biết. Khi một ai dùng lưỡi kiếm sắc bén chém đầu, thời không có ai tức đoạt sanh mạng của ai cả, lưỡi kiếm chỉ rơi vào giữa bảy thân mà thôi".

27. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccāyana đã trả lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài.

Cũng vậy, Bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Pakudha Kaccāyana đã trả

26. 'Pakudha Kaccāyana said: "Your Majesty, these seven things are not made or of a kind to be made, uncreated, unproductive, barren, false, stable as a column.

They do not shake, do not change, obstruct one another, nor are they able to cause one another pleasure, pain, or both.

What are the seven? The earth-body, the water-body, the fire-body, the air-body, pleasure and pain and the life-principle. These seven are not made...

Thus there is neither slain nor slayer, neither hearer nor proclaimer, neither knower nor causer of knowing. And whoever cuts off a man's head with a sharp sword does not deprive anyone of life, he just inserts the blade in the intervening space between these seven bodies." [57]

27. 'Thus, Lord, Pakudha Kaccāyana, on being asked about the fruits of the homeless life, answered with something quite different... I got up and left.

lời một việc khác với một quan điểm khác. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn, hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng".

Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán, không cật nạn, bỏ lời nói của Pakudha Kaccāyana. Không tán thán, không cật nạn, dầu không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi và đứng dậy ra về.

28. Bạch Thế Tôn, một thời con đến Nigantha Nātaputta (Ni-kiền-tử). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào, chúc tụng thân hữu và xã giao với Nigantha Nātaputta và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Nigantha Nātaputta: "Ngài Aggivessana, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sự, ... (như trên) ... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn ?"

29. Bạch Thế Tôn, khi được hỏi vậy, Nigantha Nātaputta nói với con: "Này Đại vương, một người Nigantha (Ni kiền tử) sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, thế nào là một người Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới?"

Này Đại vương, một Nigantha sống gìn giữ đối với tất cả loại nước, gìn giữ đối với mọi ác pháp, sống tầy sạch tất cả ác pháp và sống với ý chí gìn giữ đối với tất cả ác pháp.

Này Đại vương, như vậy một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới. Này Đại vương, vì một Nigantha sống chế ngự bởi bốn loại cấm giới, nên vị ấy được gọi là Gotatto (một vị đã đi đến đích), Yatatto (một vị đã điều phục tự tâm)

I got up and left.

28. 'I visited the Nigantha Nātaputta,¹¹⁴ and asked him the same question.

29. 'The Nigaṇṭha Nataputta said: "Your Majesty, here a Nigantha is bound by a fourfold restraint. What four? He is curbed by all curbs, enclosed by all curbs, cleared by all curbs, and claimed by all curbs."¹¹⁵

And as far as a Nigantha is bound by this fourfold restraint, thus the Nigantha is called self-perfected, self-controlled, self-established."

và Thitatto (một vị đã an trú được tự tâm)".

30. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi đến kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nātaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn loại cầm giới. Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi về trái mít lại trả lời về trái xoài.

Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Nigantha Nātaputta đã trả lời với sự chế ngự bởi bốn cầm giới. Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng".

Vì vậy, bạch Thế Tôn, con không tán thán, cũng không cật nạn lời nói của Nigantha Nātaputta. Không tán thán không cật nạn, dù không mãn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mãn, không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

31. Bạch Thế Tôn, một hôm con đến Sañjaya Belatthiputta (Tán-nhã-di-Tỳ-la-lê-phát). Khi đến nơi, con nói lên những lời đón chào chúc tụng thân hữu và xã giao với Sañjaya Belatthiputta và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, con nói với Sañjaya Belatthiputta: "Ngài Sañjaya, các công nghệ chức nghiệp như điều tượng sư... (như trên)... Bạch Ngài, Ngài có thể cho biết kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?"

32. Bạch Thế Tôn, khi được nói vậy, Sañjaya Belatthiputta đã trả lời với con: "Nếu anh hỏi: "Có một thế

[58] 30. 'Thus, Lord, the Nigantha Nātaputta, on being asked about the fruits of the homeless life, explained the fourfold restraint to me

... I got up and left.

31. 'Once I visited Sañjaya Belatthaputta, and asked him the same question.

32. 'Sañjaya Belatthaputta said: "If you ask me: 'Is there another world?' if I thought so, I would say so.

giới khác hay không?" Nếu tôi nghĩ: "Có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Có một thế giới khác".

Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế.

Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?"

Nếu tôi nghĩ: "Không có một thế giới khác", tôi có thể trả lời với anh: "Không có một thế giới khác". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế. Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế.

Nếu anh hỏi tôi: "Không có một thế giới khác phải không?" (... như trên...) "Cũng có và cũng không có một thế giới khác?", "Cũng không có và cũng không không có một thế giới khác?",

"Có loại hữu tình hóa sanh?", "Không có loại hữu tình hóa sanh?", "Cũng có và cũng không có loại hữu tình hóa sanh?" "Cũng không có và cũng không không có loại hữu tình hóa sanh?",

"Có kết quả dị thực của các nghiệp thiện và ác?",

"Không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?",

But I don't think so. I don't say it is so, and I don't say otherwise.

I don't say it is not, and I don't not say it is not.

If you ask: 'Isn't there another world?'

...'Both?'

...'Neither?'

...'Is there fruit and result of good and bad deeds?'

'Isn't there?'

"Cũng có và cũng không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?",

"Cũng không có và cũng không không có kết quả dị thực của những nghiệp thiện và ác?",

"Như Lai có tồn tại sau khi chết?",

"Như Lai không có tồn tại sau khi chết?",

"Như Lai có và không có tồn tại sau khi chết?",

"Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết?".

Anh hỏi tôi như vậy. Nếu tôi nghĩ : "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết".

Tôi có thể trả lời: "Như Lai không có và cũng không không có tồn tại sau khi chết". Nhưng tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế.

Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế."

33. Bạch Thế Tôn, khi được con hỏi kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sañjaya Belatthiputta đã trả lời với Ngụy biện luận.

Bạch Thế Tôn, cũng như hỏi về trái xoài lại trả lời về trái mít, hoặc hỏi trái mít lại trả lời trái xoài. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, khi được hỏi về kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, Sañjaya Belatthiputta đã trả lời với Ngụy biện luận.

...‘Both?’

...‘Neither? ’

...‘Does the Tathāgata [5.9] exist after death?’

‘Does he not?’

...‘Both?’

...‘Neither?’

... I don’t not say it is not.”

33. ‘Thus, Lord, Sañjaya Belatthaputta, on being asked about the fruits of the homeless life, replied by evasion.

Just as if on being asked about a mango he were to describe a breadfruit-tree ...

Bạch Thế Tôn, con liền nghĩ: "Làm sao một người như con, lại có thể làm một vị Sa-môn hay Bà-la-môn ở trong nước con không được vui lòng".

Vì vậy, Bạch Thế Tôn, con không tán thán cũng không cất nạn lời nói của Sañjaya Belatthiputta. Không tán thán, không cất nạn, dầu không mẫn nguyện, cũng không thốt ra lời bất mẫn.

Không công nhận cũng không bác bỏ, con từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

34. Vậy nên bạch Thế Tôn, con cũng hỏi Thế Tôn. bạch Thế Tôn, cũng như các công nghệ chức nghiệp. Như điều tượng sư, điều mã sư, xa thuật sư, cung thuật sư, quân kỳ binh, nguyên soái, chiến sĩ, thượng sĩ quan, thám tử, dũng sĩ can đảm như voi chúa, anh hùng, trang giáp binh,

nô lệ xuất thân, hỏa đầu quân, thợ hớt tóc, người hầu tắm, thợ làm bánh, nhà vòng hoa, thợ giặt, thợ dệt, nhà làm thúng rổ, thợ đồ gốm, nhà toán số, nhà ấn bản, các công nghệ chức nghiệp khác.

Họ hưởng được kết quả thiết thực hiện tại công nghệ chức nghiệp của chúng. Chúng giúp cho tự thân được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc, hạnh phúc. Chúng giúp cho cha mẹ được sống an lạc hạnh phúc. Chúng giúp cho bạn bè được sống an lạc hạnh phúc.

Chúng dâng các vật cúng dường cho Sa-môn, Bà-la-môn, sự cúng dường này có ảnh hưởng đến đời sau, liên hệ đến thiên giới, thợ hưởng phước báo an lạc, thác sanh lên cõi trời.

Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho biết kết quả thiết thực

And I thought: "Of all these ascetics and Brahmins, Sañjaya Belatthaputta is the most stupid and confused."

So I neither applauded nor rejected his words, but got up and left.

34. 'And so, Lord, I now ask the Blessed Lord: Just as there are these various craftsmen, ...

who enjoy here and now the visible fruits of their skills,... assuring for themselves a heavenly, happy reward... [60]

Can you, Lord, point to such a reward, visible here and

hiện tại của hạnh Sa-môn chẳng?

- Đại vương có thể được. Nay Đại vương, ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương.

35. Đại vương nghĩ sao? Nếu Đại vương có một người nô bộc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương).

Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức. Đức vua Ajātasattu, con của bà Videhi của nước Magadha, là người, tôi đây là người.

Vị vua Ajātasattu con bà Videhi, của nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần, còn tôi là người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của vua).

Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia, ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình xuất gia tu đạo".

Và người nô lệ ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, sống chế ngự lời nói, sống chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỉ sống an tịnh.

Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương.

now, as a fruit of the homeless life?’

‘I can, Your Majesty. I will just ask a few questions in return and you, Sire, shall answer as you see fit.

35. ‘What do you think, Sire? Suppose there were a man, a slave, a labourer, getting up before you and going to bed after you, willingly doing whatever has to be done, well-mannered, pleasant-spoken, working in your presence.

And he might think: “It is strange, it is wonderful, the destiny and fruits of meritorious deeds!¹¹⁶ This King Ajātasattu Vedehiputta of Magadha is a man, and I too am a man.

The King is addicted to and indulges in the fivefold sense-pleasures, just like a god, whereas I am a slave... working in his presence.

I ought to do something meritorious. Suppose I were to shave off my hair and beard, don yellow robes, and go forth from the household life into homelessness!”

And before long he does so. And he, having thus gone forth might dwell, restrained in body, speech and thought, satisfied with the minimum of food and clothing, content, in solitude.

And then if people were to announce to you: “Sire, you

"Đại vương có biết chăng? Có người nô bộc của Đại vương, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái, chú ý từng nét mặt (của Đại vương).

Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống trong an tịnh".

Này Đại vương, Đại vương có nói như sau chăng?: "Người ấy hãy lại với ta, hãy làm lại người nô bộc, làm mọi công việc, dậy sớm, thức khuya, thi hành mọi mệnh lệnh của chủ, làm đẹp lòng mọi người, lời nói kính ái chú ý từng nét mặt?"

36. - Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại chúng con kính lễ người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Này Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu quả như vậy, thì đó có phải chăng là kết quả thiết thực hiện tại hạnh Sa-môn?

- Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

- Này Đại vương đó là kết quả thiết thực hiện tại thứ nhất của hạnh Sa-môn mà Ta đã trình bày.

remember that slave who worked in your presence, and who shaved off his hair and beard and went forth into homelessness? He is living restrained in body, speech and thought, ... in solitude"

— would you then say: "That man must come back and be a slave and work for me as before"?"

36. 'No indeed, Lord. For we should pay homage to him, [61] we should rise and invite him and press him to receive from us robes, food, lodging, medicines for sickness and requisites, and make arrangements for his proper protection.'

'What do you think, Sire? Is that one fruit of the homeless life visible here and now?'

'Certainly, Lord.'

'Then that, Sire, is the first such fruit of the homeless life.'

37. - Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác hơn nữa của hạnh Sa-môn?

- Nay Đại vương, có thể được. Nay Đại vương. Ta sẽ hỏi Đại vương về vấn đề này. Đại vương hãy trả lời tùy theo ý muốn của Đại vương. Đại vương nghĩ sao?

Nếu Đại vương có một người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Người ấy nghĩ: "Thật hy hữu thay! Thật kỳ diệu thay quả vị thác sanh của các công đức, quả dị thực của các công đức.

Vị vua Ajātasattu, con của bà Videhi, nước Magadha, là người, tôi cũng là người. Vị vua Ajātasattu, con bà Videhi nước Magadha, sống tận hưởng đầy đủ năm món dục lạc, tôi nghĩ không khác gì vị thiên thần.

Còn tôi là người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ. Vậy ta hãy làm các công đức như vua kia.

Ta hãy cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo". Và người nông phu ấy, một thời khác, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh.

Nếu những người của Đại vương đến tâu với Đại vương: "Đại vương có biết chăng? Có người nông phu của Đại vương, người gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ.

Tâu Đại vương, người ấy đã cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà sa, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia tu đạo. Sau khi xuất gia như vậy, người ấy sống chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý nghĩ, bằng lòng với nhu cầu tối thiểu

37. 'But, Lord, can you show any other reward, visible here and now, as a fruit of the homeless life?'

'I can, Sire. I will just ask a few questions in return and you, Sire, shall answer as you see fit. What do you think, Sire?'

Suppose there were a man, a farmer, a householder, in your service, the steward of an estate. He might think: "It is strange, it is wonderful, the destiny and fruits of meritorious deeds!

This King Ajātasattu is a man, and I too am a man. The King is addicted to and indulges in the fivefold sense-pleasures, just like a god,

whereas I am a farmer, ... the steward of an estate. I ought to do something meritorious.

Suppose I were to... go forth from the household life into homelessness!" And before long he does so. And he, having thus gone forth might dwell ... in solitude.

And if people were to tell you this... [62]

về ăn uống, y áo, hoan hỷ sống an tịnh".

Này Đại vương, Đại vương có nói: "Người hãy đến lại với ta, hãy làm lại người nông phu, gia chủ, nạp thuế má, làm giàu công khổ"?

38. - Bạch Thế Tôn, không như vậy. Trái lại chúng con kính nể người ấy, đứng dậy trước người ấy, mời người ấy ngồi xuống ghế, cúng dường người ấy các dụng cụ như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, thuốc men trị bệnh. Và chúng con sẽ ra lệnh để bảo vệ, che chở người ấy đúng theo luật pháp.

- Này Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Nếu quả như vậy thời đó có phải là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn chăng?

- Bạch Thế Tôn, như vậy chính là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn.

- Này Đại vương, đó là kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, mà Ta trình bày.

39. Bạch Thế Tôn, có thể cho biết một kết quả thiết thực hiện tại khác nữa của hạnh Sa-môn, vi diệu hơn, thù thắng hơn những kết quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn vừa kể trên?

- Này Đại vương có thể được. Này Đại vương, hãy lắng tai nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

- Vâng, Thế Tôn. Vua Ajātasattu con bà Videhi vua xứ Magadha trả lời Thế Tôn. Thế Tôn nói:

would you then say: "That man must come back and be a steward as before"?'

38. 'No indeed, Lord. For we should pay homage to him, we should rise and invite him and press him to receive from us robes, food, lodging, medicines for sickness and requisites, and make arrangements for his proper protection.'

'What do you think, Sire? Is that one fruit of the homeless life visible here and now?'

'Certainly, Lord.'

'Then that, Sire, is the second such fruit of the homeless life.'

39. 'But, Lord, can you show me any other reward, visible here and now, as a fruit of the homeless life that is more excellent and perfect than these?'

'I can, Sire. Please listen, Your Majesty, pay proper attention, and I will speak.'

'Yes, Lord', said King Ajātasattu, and the Lord went on:

40. - Nay Đại vương, nay ở đời, Như Lai xuất hiện là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn.

Như Lai sau khi riêng tự chứng ngộ với thượng trí thế giới này với thiên giới, ma giới, phạm thiên giới, gồm cả thế giới này với Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên Nhơn, lại tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ.

Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện đầy đủ văn nghĩa, Ngài truyền dạy phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh.

41. Người gia trưởng, hay con vị gia trưởng, hay một người sanh ở giai cấp (hạ tiện) nào nghe pháp ấy. Sau khi nghe pháp, người ấy sanh lòng tín ngưỡng Như Lai.

Khi có lòng tín ngưỡng ấy, vị này suy nghĩ: "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc.

Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia, từ bỏ gia đình". Một thời gian sau, người ấy bỏ tài sản nhỏ hay tài sản lớn, bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

42. Khi đã xuất gia như vậy, vị ấy sống chế ngự với sự

40. 'Your Majesty, it happens that a Tathāgata arises in the world, an Arahant, fully-enlightened Buddha, endowed with wisdom and conduct, Well-Farer, Knower of the worlds, incomparable Trainer of men to be tamed, Teacher of gods and humans, enlightened and blessed.

He, having realised it by his own super-knowledge, proclaims this world with its devas, maras¹¹⁷ and Brahmas, its princes¹¹⁸ and people.

He preaches the Dhamma, which is lovely in its beginning, lovely in its middle, lovely in its ending, in the spirit and in the letter, and displays the fully-perfected and purified holy life.

41. 'This Dhamma is heard by a householder or a householder's son, or one reborn in some family or other. Having heard this Dhamma, [63] he gains faith in the Tathāgata.

Having gained this faith, he reflects: "The household life is close and dusty, the homeless life is free as air. It is not easy, living the household life, to live the fully-perfected holy life, purified and polished like a conch-shell.

Suppose I were to shave off my hair and beard, don yellow robes and go forth from the household life into homelessness!" And after some time, he abandons his property, small or great, leaves his circle of relatives, small or great, shaves off his hair and beard, dons yellow robes and goes forth into the homeless life.

42. 'And having gone forth, he dwells restrained by the

chế ngự của giới bổn Pātimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập trong giới học, thân nghiệp, ngữ nghiệp thanh tịnh. Sanh hoạt trong sạch giới hạnh cụ túc, thủ hộ các căn, chánh niệm tỉnh giác, và biết tri túc.

43. Đại Vương! Thế nào là Tỷ-kheo giới hạnh cụ túc? Ở đây, này Đại Vương, Tỷ-kheo từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến tất cả hạnh phúc của chúng sanh và loài hữu tình.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho, tự sống thanh tịnh, không có trộm cướp, như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

44. Tỷ-kheo từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chân thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không lường gạt, không phản lại lời hứa đối với đời.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều gì ở chỗ kia, không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia.

Như vậy Tỷ-kheo ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoải mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

restraint of the rules, persisting in right behaviour, seeing danger in the slightest faults, observing the commitments he has taken on regarding body, deed and word, devoted to the skilled and purified life, perfected in morality, with the sense-doors guarded, skilled in mindful awareness and content.

43. — 62. ‘And how, Sire, is a monk perfected in morality? Abandoning the taking of life, he dwells refraining from taking life, without stick or sword, scrupulous, compassionate, trembling for the welfare of all living beings. Thus he is accomplished in morality.

Abandoning the taking of what is not given,... abandoning unchastity,...

(and so on through the three sections on morality as Sutta 1, verses 1.8 — 27).

Vị ấy từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác. Vị ấy nói những lời nói không lỗi lầm, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

Vị ấy từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chân thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời, thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

45. Vị ấy từ bỏ làm hại đến các hạt giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm. Từ bỏ ăn phi thời.

Từ bỏ đi xem múa, hát nhạc, diễn kịch. Từ bỏ trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa và các thời trang. Từ bỏ dùng giường cao và giường lớn. Từ bỏ nhận vàng và bạc. Từ bỏ nhận các hạt sống.

Từ bỏ nhận thịt sống. Từ bỏ nhận đàn bà con gái. Từ bỏ nhận nô tỳ gái và trai. Từ bỏ nhận cừu và dê. Từ bỏ nhận gia cầm và heo. Từ bỏ nhận voi, bò, ngựa và ngựa cái. Từ bỏ nhận ruộng nương, đất đai. Từ bỏ nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới.

Từ bỏ buôn bán. Từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc và đo lường. Từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Từ bỏ làm thương tổn, sát hại câu thúc, bứt đoạt, trộm cắp, cướp phá.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

46. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống làm hại các hạt giống và cây cối như hạt giống từ rễ sanh, hạt giống

từ nhánh cây sanh, hạt giống từ đốt cây sanh, hạt giống từ chiết cây sanh, và thứ năm là hạt giống từ hạt giống sanh.

Còn vị ấy thì không làm hại hạt giống hay cây cỏ nào.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

47. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cất chứa và thọ hưởng các đồ vật như cất chứa các món ăn, cất chứa các đồ uống, cất chứa vải, cất chứa xe cộ, cất chứa các đồ nằm, cất chứa các hương liệu, cất chứa các mỹ vị.

Còn vị ấy thì từ bỏ cất chứa các vật trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

48. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống theo các du hí không chơn chánh như múa, hát, nhạc kịch, ngâm vịnh, nhịp tay, tụng chú, đánh trống, diễn các tuồng thần tiên, mãi võ, đấu voi, đấu ngựa, đấu trâu, đấu bò đực, đấu dê, đấu cừu, đấu gà, đấu chim cun cút, đấu gậy, đấu quyền, đấu vật, đánh giặc giả, dàn trận, thao dượt, diễn binh.

Còn vị ấy thì từ bỏ các du hí không chơn chánh như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

49. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống đánh bài và theo các trò giải trí. Như cờ tám hình vuông, cờ mười hình vuông, cờ trên không, trò chơi trên đất, chỉ bước vào những ô có quyền bước, trò chơi quăng thẻ rồi chụp nhưng không cho sụp đồng thẻ, chơi súc sắc, chơi khăng, lấy tay làm viết,

chơi banh, chơi thổi kèn bằng lá, cày với chiếc cày giả, nhảy lộn nhào, chơi chong chóng, chơi với đồ chơi bằng lá, chơi xe con, chơi cung nhỏ, chơi đoán chữ viết thiết trên

không hay trên lưng, chơi đoán tư tưởng, chơi bắt chước bộ điệu.

Còn vị ấy thì từ bỏ đánh bài và các loại giải trí như trên.
Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

50. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các giường cao và giường lớn như ghế bành, ghế trường kỷ, nệm trải giường bằng len, vải trải giường nhiều tấm nhiều màu, chăn len trắng, chăn len thêu bông, nệm bông,

nệm thêu hình các con thú, mền bằng lông thú cả hai phía mền bằng lông thú một phía, mền có đính ngọc, mền bằng lụa, tấm khăn lớn có thể chứa mười sáu người múa, mền voi, mền ngựa, mền xe, mền bằng da sơn dương khâu lại với nhau, mền bằng da con sơn dương khâu lại gọi là Kadali, tấm thảm với lều che phía trên, ghế dài có gối đầu, gối chân màu đỏ.

Còn vị ấy thì từ bỏ không dùng các giường cao và giường lớn như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

51. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống dùng các đồ trang sức và mỹ phẩm như thoa dầu, đắp bóp, tắm, đập tay chân cho mềm dẻo, gương kem đánh mặt, vòng hoa và phấn son, phấn mặt và sáp mặt, vòng tay tóc giả trên đầu, gậy cầm tay, ống thuốc, gương, lọng, dép thêu, khăn đầu, ngọc, phát trần, vải trắng có viền tua dài.

Còn vị ấy thì không dùng các loại trang sức và mỹ phẩm như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

52. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng

các món ăn do tín thí cúng dường, cũng vẫn sống nói những câu chuyện vô ích tầm thường như câu chuyện nói về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, câu chuyện về hải hùng, câu chuyện về chiến tranh,

câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ,

câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về đàn ông, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại vương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu.

Còn vị ấy thì từ bỏ nói những chuyện vô ích, tầm thường kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

53. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống bàn luận tranh chấp như nói: "Người không biết pháp và luật này, tôi biết pháp và luật này. Sao người có thể biết pháp và luật này?"

Người đã phạm vào tà kiến, tôi nói mới thật đúng chánh kiến. Lời tôi nói mới tương ứng, lời nói của người không tương ứng. Những điều đáng nói trước, người lại nói sau. Những điều đáng nói sau người lại nói trước.

Chủ kiến của người đã bị bài bác, câu nói của người đã bị thách đấu. Người đã bị thuyết bại. Hãy đến mà giải vây lời nói ấy. Nếu có thể được, gắng thoát ra khỏi lối bí".

Còn vị ấy thì từ bỏ những cuộc biện luận, tranh chấp kể

trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

54. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống cho đũa các tin tức, hoặc tự đứng làm môi giới như cho các vua, các đại thần của vua, cho các vị Sát-đế-ly, cho các vị Bà-la-môn, cho các gia chủ cho các thanh niên và nói rằng: "Hãy đi đến chỗ ấy, hãy đi lại chỗ kia, mang cái này lại, đem cái này đến chỗ kia".

Còn vị ấy thì từ bỏ đũa các tin tức và đứng làm môi giới.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

55. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn sống lừa đảo, nói lời siểm nịnh, gợi ý, dèm pha, cầu lợi.

Còn vị ấy thì từ bỏ nói lời lừa đảo và siểm nịnh như trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

56. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà hạnh như xem tướng tay chân, chiêm tướng, triệu tướng, mộng tướng, thân tướng, dấu chuột cắn, tế lửa, tế ruộng, dùng miệng phun hạt cải v. v...

vào lửa, tế vỏ lúa, tế tấm, tế gạo, tế thực tô, tế máu, khoa xem chi tiết, khoa xem địa lý, khoa xem mộng, khoa cầu thần ban phước, khoa cầu quỷ ma, khoa dùng bùa chú khi ở trong nhà bằng đất,

khoa rắn, khoa thuốc độc, khoa bò cạp, khoa chim, khoa chim quạ, khoa đoán số mạng, khoa ngựa tên bắn, khoa biết tiếng nói của chim.

Còn vị ấy thì tránh xa những tà hạnh kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

57. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng như xem tướng các hòn ngọc, tướng que gậy, tướng áo quần, tướng gương kiếm, tướng mũi tên, tướng cây cung, tướng võ khí,

tướng đàn bà, tướng đàn ông, tướng thiếu niên, tướng thiếu nữ, tướng đầy tớ nam, tướng đầy tớ nữ, tướng voi, tướng ngựa, tướng trâu, tướng bò đực, tướng bò cái, tướng dê, tướng cừu, tướng gia cầm, tướng chim cun cú, tướng con các kè, tướng vật tai dài, tướng ma, tướng thú vật.

Còn vị ấy thì tránh xa những tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

58. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: "Vua sẽ tiến quân, vua sẽ lùi quân, vua bản xứ sẽ tấn công, vua ngoại bang sẽ triệt thoái, vua bản xứ sẽ thắng trận, vua ngoại bang sẽ thắng trận, vua bản xứ sẽ bại trận. Như vậy sẽ có sự thắng trận cho phe bên này, sẽ có sự bại trận cho phe bên kia".

Còn vị ấy thì từ bỏ những tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

59. Trong khi có một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn nuôi sống bằng những tà mạng, như đoán trước: "Sẽ có nguyệt thực, sẽ có nhật thực, sẽ có tinh thực, mặt trăng, mặt trời sẽ đi đúng chánh đạo, mặt trăng mặt trời sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, các tinh tú sẽ đi đúng chánh đạo, các tinh tú sẽ đi ngoài chánh đạo, sẽ có sao băng, sẽ có lửa cháy các phương hướng, sẽ có động, sẽ có sấm trời,

mặt trăng mặt trời các sao sẽ mọc, sẽ lặn, sẽ mờ, sẽ

sáng, nguyệt thực sẽ có kết quả như thế này, nhật thực sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này,

các tinh tú đi đúng chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, các tinh tú đi ngoài chánh đạo sẽ có kết quả như thế này, sao băng sẽ có kết quả như thế này, lửa cháy các phương sẽ có kết quả như thế này, động đất sẽ có kết quả như thế này, sấm trời sẽ có kết quả như thế này, mặt trăng mặt trời các sao mọc lặn sáng mờ sẽ có kết quả như thế này".

Còn vị ấy thì tránh xa không tự nuôi sống bằng tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

60. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng tà mạng, như đoán trước: "Sẽ có nhiều mưa, sẽ có đại hạn, sẽ được mùa, sẽ mất mùa, sẽ được an ổn, sẽ bị hiểm họa, sẽ có bệnh, sẽ không có bệnh, hay làm các nghề như đếm trên ngón tay, kế toán, cộng số lớn, làm thư, làm theo thế tình".

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

61. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như sắp đặt ngày lành để rước dâu hay rã về nhà, sắp đặt ngày lành để đưa dâu hay rã, lựa ngày giờ tốt để hòa giải, lựa ngày giờ tốt để chia rẽ, lựa ngày giờ tốt để đòi nợ, lựa ngày giờ tốt để cho mượn hay tiêu tiền,

dùng bùa chú để giúp người được may mắn, dùng bùa chú để khiến người bị rủi ro, dùng bùa chú để phá thai,

dùng bùa chú làm công lữ, dùng bùa chú khiến quai hàm không cử động, dùng bùa chú khiến người phải bỏ tay xuống, dùng bùa chú khiến tai bị điếc, hỏi gương soi, hỏi phù đồng thiếu nữ, hỏi thiên thần để biết họa phước, thờ mặt trời, thờ đại địa, phun ra lửa, cầu Siri thần tài.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên.

Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

62. Trong khi một số Sa-môn, Bà-la-môn, dầu đã dùng các món ăn do tín thí cúng dường, vẫn còn tự nuôi sống bằng những tà mạng, như dùng các ảo thuật để được yên ổn, để khỏi làm các điều đã hứa, để được che chở khi ở trong nhà bằng đất, để dương được thịnh, để làm người liệt dương,

để tìm đất tốt làm nhà, để cầu phước cho nhà mới, lễ rửa miệng, lễ tắm, lễ hy sinh, làm cho mưa, làm cho xỏ, bài tiết các nhơ bẩn về phía trên, bài tiết các nhơ bẩn về phía dưới, tẩy tịnh trong đầu,

thoa dầu trong tai, nhỏ thuốc mắt, cho thuốc qua lỗ mũi, xúc thuốc mắt, thoa dầu cho mắt, chữa bệnh cho mắt, làm thầy thuốc, mổ xẻ chữa bệnh cho con nít, cho thuốc uống bằng các loại rễ cây, ngăn ngừa công hiệu của thuốc.

Còn vị ấy thì tránh xa các tà mạng kể trên. Như vậy là giới hạnh của vị ấy trong giới luật.

63. Và như vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo ấy, nhờ đầy đủ giới luật nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật.

Đại vương, như một vị Sát đế lỵ đã làm lễ quán đảnh, đã hàng phục kẻ thù địch, không còn thấy sợ hãi từ chỗ nào nữa về phương diện thù địch.

A monk refrains from such base arts and wrong means of livelihood. Thus he is perfected in morality. [64 — 69]

63. 'And then, Sire, that monk who is perfected in morality sees no danger from any side owing to his being restrained by morality.

Just as a duly-anointed Khattiya king, having conquered [70] his enemies, by that very fact sees no danger from any side,

Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo ấy nhờ đầy đủ giới luật, nên không thấy sợ hãi từ một chỗ nào về phương diện hộ trì giới luật. Vì ấy nhờ đầy đủ giới luật cao quý này, nên hưởng lạc thọ, nội tâm không vẫn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo đầy đủ giới luật.

64. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo hộ trì các căn? Này Đại vương, khi mắt thấy sắc, Tỷ-kheo không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng.

Những nguyên nhân gì, khiến nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì nhãn căn, thực hành sự hộ trì nhãn căn.

Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vì ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn.

Vì ấy, nhờ sự hộ trì cao quý các căn ấy, nên hưởng lạc thọ nội tâm, không vẫn đục. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo hộ trì các căn.

65. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác? Đại vương, ở đây, Tỷ-kheo khi đi tới, khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác,

khi ăn, uống, nhai, nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên

so the monk, on account of his morality, sees no danger anywhere. He experiences in himself the blameless bliss that comes from maintaining this Ariyan morality. In this way, Sire, he is perfected in morality.

64. 'And how, Sire, is he a guardian of the sense-doors? Here a monk, on seeing a visible object with the eye, does not grasp at its major signs or secondary characteristics.

Because greed and sorrow, evil unskilled states, would overwhelm him if he dwelt leaving this eye-faculty unguarded, so he practises guarding it, he protects the eye-faculty, develops restraint of the eye-faculty.

On hearing a sound with the ear, ... on smelling an odour with the nose, ... on tasting a flavour with the tongue,... on feeling an object with the body,... on thinking a thought with the mind, he does not grasp at its major signs or secondary characteristics, ... he develops restraint of the mind-faculty.

He experiences within himself the blameless bliss that comes from maintaining this Ariyan guarding of the faculties. In this way, Sire, a monk is a guardian of the sense-doors.

65. 'And how, Sire, is a monk accomplished in mindfulness and clear awareness? Here a monk acts with clear awareness in going forth and back, in looking ahead or behind him, in bending and stretching, in wearing his outer and inner robe and carrying his bowl,

in eating, drinking, chewing and swallowing, in evacuating and urinating, in walking, standing, sitting, lying down, in

lặng đều tỉnh giác. Như vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo chánh niệm tỉnh giác.

66. Đại vương, thế nào là Tỷ-kheo biết đủ? Ở đây Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y và bình bát).

Đại vương, cũng như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, Đại vương, vị Tỷ-kheo bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo. Như vậy, này Đại vương, là Tỷ-kheo biết đủ.

67. Vị ấy, với giới uần cao quý này, với sự hộ trì các căn cao quý này, với chánh niệm tỉnh giác cao quý này, với hạnh biết đủ cao quý này, lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm.

Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

68. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái.

Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Từ bỏ hôn trầm, thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm và thụy miên; với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm, thụy miên.

Từ bỏ trạo cử hồi tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm

waking, in speaking and in keeping silent he acts with clear awareness. In this way, [71] a monk is accomplished in mindfulness and clear awareness.

66. 'And how is a monk contented? Here, a monk is satisfied with a robe to protect his body, with alms to satisfy his stomach, and having accepted sufficient, he goes on his way.

Just as a bird with wings flies hither and thither, burdened by nothing but its wings, so he is satisfied... In this way, Sire, a monk is contented.

67. 'Then he, equipped with this Ariyan morality, with this Ariyan restraint of the senses, with this Ariyan contentment, finds a solitary lodging, at the root of a forest tree, in a mountain cave or gorge, a charnel-ground, a jungle-thicket, or in the open air on a heap of straw.

Then, having eaten after his return from the alms-round, he sits down cross-legged, holding his body erect, and concentrates on keeping mindfulness established before him.¹¹⁹

68. 'Abandoning worldly desires, he dwells with a mind freed from worldly desires, and his mind is purified of them.

Abandoning ill-will and hatred ... and by compassionate love for the welfare of all living beings, his mind is purified of ill-will and hatred.

Abandoning sloth-and-torpor, ... perceiving light,¹²⁰ mindful and clearly aware, his mind is purified of sloth-and-torpor.

Abandoning worry-and-flurry... and with an inwardly

trầm lắng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối tiếc.

Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

69. Nay Đại vương, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ.

Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ". Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ.

70. Nay Đại vương, như một người bị bệnh, đau đớn, trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Sau một thời gian người ấy khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục.

Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị bệnh, đau đớn trầm trọng, ăn uống không tiêu, thể lực suy yếu. Nay ta khỏi bệnh, ăn uống tiêu thông, thể lực khôi phục". Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

71. Nay Đại vương, như một người bị nhốt trong ngục. Người ấy sau một thời gian, được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn.

Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị nhốt trong ngục, nay ta được khỏi tù tội, an lạc kiện toàn, tài sản không bị giảm tổn". Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

72. Nay Đại vương, như một người nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Người ấy, sau một thời gian, thoát khỏi cảnh nô lệ, được tự chủ,

calmed mind his heart is purified of worry-and-flurry.

Abandoning doubt, he dwells with doubt left behind, without uncertainty as to what things are wholesome, his mind is purified of doubt.

69. 'Just as a man who had taken a loan to develop his business, and whose business had prospered, might pay off his old debts, and with what was left over could support a wife,

might think: "Before this I developed my business by borrowing, [72] but now it has prospered...", and he would rejoice and be glad about that.

70. 'Just as a man who was ill, suffering, terribly sick, with no appetite and weak in body, might after a time recover, and regain his appetite and bodily strength,

and he might think: "Before this I was ill...", and he would rejoice and be glad about that.

71. 'Just as a man might be bound in prison, and after a time he might be freed from his bonds without any loss, with no deduction from his possessions.

He might think: "Before this I was in prison...", and he would rejoice and be glad about that.

72. 'Just as a man might be a slave, not his own master, dependent on another, unable to go where he liked, and after some time he might be freed from slavery, able to go

không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại.

Người ấy nghĩ: "Ta trước kia bị cảnh nô lệ, không được tự chủ, lệ thuộc người khác, không được tự do đi lại. Nay ta thoát cảnh nô lệ, được tự chủ, không lệ thuộc người khác, một người được giải thoát, được tự do đi lại". Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

73. Nay Đại vương, như một người giàu có, nhiều tài sản, đang đi qua bãi sa mạc, thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Người ấy, sau một thời gian đã đi khỏi sa mạc, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm.

Người ấy nghĩ: "Ta trước kia giàu có, nhiều tài sản, đi qua bãi sa mạc thiếu lương thực, đầy những nguy hiểm. Nay ta đã đi qua khỏi bãi sa mạc ấy, đến đầu làng vô sự, yên ổn, không có nguy hiểm". Người ấy nhờ vậy được sung sướng hoan hỷ.

74. Như vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo tự mình quán năm triền cái chưa xả ly, như món nợ, như bệnh hoạn, như ngục tù, như cảnh nô lệ, như con đường sa mạc.

Nay Đại vương, cũng như không mắc nợ, như không bệnh tật, như được khỏi tù tội, như được tự do, như đất lành yên ổn, nay Đại vương, Tỷ-kheo quán năm triền cái khi diệt trừ chúng.

75. Khi quán tự thân đã xả ly năm triền cái ấy, hân hoan sanh; do hân hoan nên hỷ sanh; do tâm hoan hỷ, thân được khinh an; do thân khinh an, lạc thọ sanh; do lạc thọ, tâm được định tĩnh.

where he liked,

might think: "Before this I was a slave..."[73] And he would rejoice and be glad about that.

73. 'Just as a man, laden with goods and wealth, might go on a long journey through the desert where food was scarce and danger abounded, and after a time he would get through the desert and arrive safe and sound at the edge of a village,

might think: "Before this I was in danger, now I am safe at the edge of a village", and he would rejoice and be glad about that.

74. 'As long, Sire, as a monk does not perceive the disappearance of the five hindrances in himself,¹²¹ he feels as if in debt, in sickness, in bonds, in slavery, on a desert journey.

But when he perceives the disappearance of the five hindrances in himself, it is as if he were freed from debt, from sickness, from bonds, from slavery, from the perils of the desert.

75. 'And when he knows that these five hindrances have left him, gladness arises in him, from gladness comes delight, from the delight in his mind his body is tranquillised, with a tranquil body he feels joy, and with joy his mind is concentrated.

Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chúng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ.

Tỷ-kheo thấm nhuần, tầm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

76. Nay Đại vương, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm. Sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, nhào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt.

Cũng vậy, nay Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần, tầm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân hình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

77. Lại nữa, nay Đại vương, Tỷ-kheo ấy diệt tầm và tứ, chúng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ,

nội tĩnh nhất tâm Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tầm ướt làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

78. Nay Đại vương, ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương

Being thus detached from sense-desires, detached from unwholesome states, he enters and remains in the first jhāna, which is with thinking and pondering, born of detachment, filled with delight and joy.

And with this delight and joy born of detachment, he so suffuses, drenches, fills and irradiates his body that there is no spot in his entire body that is untouched by this delight and joy born of detachment. [74]

76. 'Just as a skilled bathman or his assistant, kneading the soap-powder which he has sprinkled with water, forms from it, in a metal dish, a soft lump, so that the ball of soap-powder becomes one oleaginous mass, bound with oil so that nothing escapes —

so this monk suffuses, drenches, fills and irradiates his body so that no spot remains untouched.

This, Sire, is a fruit of the homeless life, visible here and now, that is more excellent and perfect than the former ones.¹²²

77. 'Again, a monk, with the subsiding of thinking and pondering, by gaining inner tranquillity and oneness of mind, enters and remains in the second jhāna, which is without thinking and pondering, born of concentration, filled with delight and joy.

And with this delight and joy born of concentration he so suffuses his body that no spot remains untouched.

78. 'Just as a lake fed by a spring, with no inflow from east, west, north or south, where the rain-god sends

Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra, và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn.

Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần.

Cũng vậy, này Đại vương, Tỷ-kheo thấm nhuần tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

79. Lại nữa, này Đại vương, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và an trú thiền thứ ba. Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

80. Này Đại vương, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần tắm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần.

moderate showers from time to time,
the water welling up from below, mingling with cool water, would suffuse, fill and irradiate that cool water, so that no part of the pool was untouched by it —

so, with this delight and joy born of concentration he so suffuses his body that no spot remains untouched. [75]

This, Sire, is a fruit more excellent and perfect than the former ones.

79. 'Again, a monk with the fading away of delight remains imperturbable, mindful and clearly aware, and experiences in himself that joy of which the Noble Ones say: "Happy is he who dwells with equanimity and mindfulness", and he enters and remains in the third jhāna. And with this joy devoid of delight he so suffuses his body that no spot remains untouched.

80. 'Just as if, in a pond of blue, red or white lotuses¹²³ in which the flowers, born in the water, grown in the water, not growing out of the water, are fed from the water's depths, those blue, red or white lotuses would be suffused ... with the cool water —

so with this joy devoid of delight the monk so suffuses his body that no spot remains untouched.

Cũng vậy, này Đại vương Tỳ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

81. Lại nữa, này Đại vương, Tỳ-kheo, xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú vào thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Tỳ-kheo ấy thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

82. Này Đại vương, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu. Cũng vậy, này Đại vương, Tỳ-kheo thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

83. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỳ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến.

This is a fruit of the homeless life, more excellent and perfect than the former ones.

81. 'Again, a monk, having given up pleasure and pain, and with the disappearance of former gladness and sadness, enters and remains in the fourth jhāna which is beyond pleasure and pain, and purified by equanimity and mindfulness.

And he sits suffusing his body with that mental purity and clarification [76] so that no part of his body is untouched by it.

82. 'Just as if a man were to sit wrapped from head to foot in a white garment, so that no part of him was untouched by that garment — so his body is suffused...

This is a fruit of the homeless life, more excellent and perfect than the former ones.

83. 'And so, with mind concentrated, purified and cleansed, unblemished, free from impurities,¹²⁴ malleable, workable, established, and having gained imperturbability, he directs and inclines his mind towards knowing and

Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt, trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

84. Nay Đại vương, ví như một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và một sợi giây được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt.

Một người có mắt cầm hòn ngọc ấy trên tay sẽ thấy: Hòn lưu ly bảo châu này, đẹp đẽ, trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, sáng chói, không uế trược, đầy đủ tất cả mỹ tướng. Và sợi giây này được xuyên qua hòn ngọc ấy, sợi giây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng nhạt. Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến chánh trí, chánh kiến.

Vị ấy biết: Thân này của ta là sắc pháp, do bốn đại thành, do cha mẹ sanh, nhờ cơm cháo nuôi dưỡng, vô thường, biến hoại, phần toái, đoạn tuyệt, hoại diệt. Trong thân ấy thức ta lại nương tựa và bị trói buộc.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu và thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

85. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm,

seeing.

And he knows: "This my body is material, made up from the four great elements, born of mother and father, fed on rice and gruel, impermanent, liable to be injured and abraded, broken and destroyed, and this is my consciousness which is bound to it and dependent on it."¹²⁵

84. 'It is just as if there were a gem, a beryl,¹²⁶ pure, excellent, well cut into eight facets, clear, bright, unflawed, perfect in every respect, strung on a blue, yellow, red, white or orange cord.

A man with good eyesight, taking it in his hand and inspecting it, would describe it as such. In the same way, Sire, a monk with mind concentrated, purified and cleansed, ... directs his mind towards knowing and seeing.

And he knows: "This my body is material, made up of the four great elements, ... [77] and this is my consciousness which is bound to it and dependent on it."

This is a fruit of the homeless life, more excellent and perfect than the former ones.

85. 'And he, with mind concentrated, ... having gained

không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo chú tâm, hướng tâm đến sự hóa hiện một thân do ý làm ra.

Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý làm ra, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

86. Nay Đại vương, ví như một người rút một cây lau ra ngoài vỏ. Người ấy nghĩ: Đây là vỏ, đây là cây lau; vỏ khác, cây lau khác và cây lau từ vỏ rút ra.

Nay Đại vương, ví như một người rút thanh kiếm từ bao kiếm; thanh kiếm khác, bao kiếm khác, và thanh kiếm từ nơi bao kiếm rút ra.

Nay Đại vương, ví như một người lột xác một con rắn. Người ấy nghĩ: Đây là con rắn, đây là xác rắn, con rắn khác, xác rắn khác, và con rắn từ nơi xác rắn được lột ra.

Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến sự hiện hóa một thân do ý làm ra. Vị ấy tạo một thân khác từ nơi thân này, cũng là sắc pháp, do ý tạo thành, đầy đủ các chi tiết lớn nhỏ, không thiếu một căn nào.

Nay Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

imperturbability, applies and directs his mind to the production of a mind-made body.

And out of this body he produces another body, having a form,¹²⁷ mind-made, complete in all its limbs and faculties.

86. 'It is just as if a man were to draw out a reed from its sheath. He might think: "This is the reed, this is the sheath, reed and sheath are different. Now the reed has been pulled from the sheath."

Or as if a man were to draw a sword from the scabbard. He might think: "This is the sword, this is the scabbard, sword and scabbard are different. Now the sword has been drawn from the scabbard."

Or as if a man were to draw a snake from its [old] skin. He might think: "This is the snake, this is the skin, snake and skin are different. Now the snake has been drawn from its skin."

In the same way a monk with mind concentrated ... directs his mind to the production of a mind-made body. He draws that body out of this body, having form, mind-made, complete with all its limbs and faculties.

This is a fruit of the homeless life more excellent and perfect than the former ones.

87. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến các thần thông.

Vị ấy chứng được các loại thần thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ, trôi lên ngang qua đất liền, như ở trong nước;

đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

88. Nay Đại vương, ví như một người thợ gốm khéo tay, hay đệ tử người thợ gốm, với đất sét khéo nhồi nhuyễn, có thể làm các loại đồ gốm tùy theo sở thích. Nay Đại vương, ví như một người thợ ngà khéo tay, hay đệ tử người thợ ngà, với ngà khéo đẽo dũa có thể làm các loại đồ ngà tùy theo sở thích. Nay Đại vương, ví như người thợ vàng khéo tay hay đệ tử người thợ vàng, với vàng khéo tinh nhuyễn có thể làm các loại đồ vàng tùy theo sở thích.

Cũng vậy này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm hướng tâm đến các thần thông.

Vị ấy chứng được các thần thông một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân; hiện hình biến hình, đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang qua hư

87. 'And he, with mind concentrated,... applies and directs his mind [78] to the various supernormal powers.¹²⁸

He then enjoys different powers: being one, he becomes many — being many, he becomes one; he appears and disappears; he passes through fences, walls and mountains unhindered as if through air; he sinks into the ground and emerges from it as if it were water;

he walks on the water without breaking the surface as if on land; he flies cross-legged through the sky like a bird with wings; he even touches and strokes with his hand the sun and moon, mighty and powerful as they are;¹²⁹ and he travels in the body as far as the Brahmā world.

88. 'Just as a skilled potter or his assistant can make from well-prepared clay whatever kind of bowl he likes, or just as a skilled ivory-carver or his assistant can produce from well-prepared ivory any object he likes, or just as a skilled goldsmith or his assistant can make any gold article he likes

—
so the monk with mind concentrated ...

enjoys various supernormal powers ... [79]

không; độn thổ trôi lên, ngang qua đất liền như ở trong nước;

đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngòi kiết già đi trên hư không như còn chim; với bàn tay chạm và sờ mặt trời và mặt trăng, những vật có đại oai lực, đại oai thần như vậy; có thể tự thân bay đến cõi Phạm thiên.

Này Đại vương đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

89. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

90. Này Đại vương, ví như một người đang đi qua đường, nghe tiếng trống lớn, tiếng trống nhỏ, tiếng loa, tiếng xập xõa và tiếng kiểng. Người ấy nghĩ: "Đây là tiếng trống lớn, đây là tiếng trống nhỏ, đây là tiếng loa, tiếng xập xõa, tiếng kiểng".

Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến thiên nhĩ thông. Tỷ-kheo với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và Người, xa và gần.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

This is a fruit of the homeless life ...

89. 'And he, with mind concentrated,... applies and directs his mind to the divine ear.¹³⁰ With the divine ear, purified and surpassing that of human beings, he hears sounds both divine and human, whether far or near.

90. 'Just as a man going on a long journey might hear the sound of a big drum, a small drum, a conch, cymbals or a kettle-drum, and he might think: "That is a big drum, ... a kettle-drum",

so the monk with mind concentrated ... hears sounds, divine or human, far or near.

This is a fruit of the homeless life, more excellent and perfect than the former ones.

91. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của loài người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết là tâm có tham. Tâm không có tham, biết là tâm không có tham.

Tâm có sân, biết là tâm có sân. Tâm không có sân, biết là tâm không có sân.

Tâm có si, biết là tâm có si. Tâm không có si, biết là tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm. Không phải đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng, Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiền định, biết là tâm thiền định. Tâm không thiền định, biết là tâm không thiền định.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết là tâm không giải thoát.

92. Này Đại vương, ví như một người đàn bà, một người đàn ông, một thiếu niên trẻ hay một thanh niên ưa trang

91. 'And he, with mind concentrated,...applies and directs his mind to the knowledge of others' minds. He knows and distinguishes with his mind the minds of other beings or other persons.

He knows the mind with passion to be with passion; he knows the mind without passion to be without passion.¹³¹
[80]

He knows the mind with hate to be with hate; he knows the mind without hate to be without hate.

He knows the deluded mind to be deluded; he knows the undeluded mind to be undeluded.

He knows the narrow mind to be narrow; he knows the broad mind to be broad.

He knows the expanded mind to be expanded; he knows the unexpanded mind to be unexpanded.

He knows the surpassed mind to be surpassed; he knows the unsurpassed mind to be unsurpassed.

He knows the concentrated mind to be concentrated; he knows the unconcentrated mind to be unconcentrated.

He knows the liberated mind to be liberated; he knows the unliberated mind to be unliberated.

92. 'Just as a woman, or a man or young boy, fond of his appearance, might examine his face in a brightly polished

sức, nhìn mặt của mình trong tấm gương trong sạch, sáng suốt hay một chậu nước trong. Nếu mặt có tỳ vết, liền biết mặt có tỳ vết; nếu mặt không có tỳ vết, liền biết mặt không có tỳ vết.

Cũng vậy, này Đại vương, với tâm định tĩnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến tha tâm thông. Tỷ-kheo sau khi đi sâu vào tâm của chúng sanh, của mọi người với tâm của mình, vị ấy biết được như sau:

Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không có tham, biết tâm không có tham.

Tâm có sân biết tâm có sân. Tâm không có sân, biết tâm không có sân.

Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không có si, biết tâm không có si.

Tâm chuyên chú, biết là tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết là tâm tán loạn.

Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải là đại hành tâm, biết không phải là đại hành tâm.

Tâm chưa vô thượng, biết là tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết là tâm vô thượng.

Tâm thiên định, biết là tâm thiên định. Tâm không thiên định, biết là tâm không thiên định.

Tâm giải thoát, biết là tâm giải thoát. Tâm không giải

mirror or in water, and by examination would know whether there was a spot there or not, so the monk, with mind concentrated, ... directs his mind to the knowledge of others' minds...

(as verse 91). [81] This is a fruit of the homeless life...

thoát biết là tâm không giải thoát.

93. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh.

Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và thành kiếp.

Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này.

Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

94. Nay Đại vương, ví như một người đi từ làng mình đến làng khác, từ làng ấy đi đến một làng khác nữa, và từ làng này lại trở về làng của mình.

Người ấy nghĩ: "Ta từ làng của mình đi đến làng kia, nơi đây ta đã đứng như thế này, đã ngồi như thế này, đã nói như thế này, đã yên lặng như thế này. Từ nơi làng nọ, ta đã trở về làng của ta".

Như vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử

93. 'And he, with mind concentrated,... applies and directs his mind to the knowledge of previous existences. He remembers many previous existences:

one birth, two, three, four, five births, ten, twenty, thirty, forty, fifty births, a hundred, a thousand, a hundred thousand births, several periods of contraction, of expansion, of both contraction and expansion.

"There my name was so-and-so, my clan was so-and-so, my caste was so-and-so, my food was such-and-such, I experienced such-and-such pleasant and painful conditions, I lived for so long.

Having passed away from there, I arose there. There my name was so-and-so ... And having passed away from there, I arose here." Thus he remembers various past births, their conditions and details.

94. 'It is just as if a man were to go from his village to another, from that to yet another, and thence return to his home village.

He might think: "I came from my own village to that other one where I stood, sat, spoke or remained silent like this, and from that one I went to another, where I stood, sat, spoke or remained silent like this, and from there [82] I have just returned to my own village."¹³²

Just so the monk with mind concentrated ...

dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến túc mạng minh.

Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp và thành kiếp.

Vị ấy nhớ: "Tại chỗ kia, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này.

Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra chỗ nọ, tại đây, ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, ăn uống như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây".

Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu, thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

95. Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí huệ về sanh tử của chúng sanh.

Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng:

"Này các Hiền giả, những Tôn giả này làm những điều ác

remembers past births ...

This is a fruit of the homeless life...

95. 'And he, with mind concentrated, ... applies and directs his mind to the knowledge of the passing-away and arising of beings.

With the divine eye,¹³³ purified and surpassing that of humans, he sees beings passing away and arising: base and noble, well-favoured and ill-favoured, to happy and unhappy destinations as kamma directs them, and he knows:

hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến.

Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến,

những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này.

Như vậy vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

96. Này Đại vương, ví như một tòa lầu có thượng đài, giữa ngã tư đường, một người có mắt đứng trên ấy, sẽ thấy những người đi vào nhà, đi từ nhà ra, đi qua lại trên đường, ngồi ở giữa ngã tư hay trên đài thượng. Người ấy nghĩ: "Những người này đi vào nhà, những người này đi từ nhà ra, những người này đi qua lại trên đường, những người này ngồi giữa ngã tư, trên đài thượng".

Cũng vậy, này Đại vương với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.

Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang,

"These beings, on account of misconduct of body, speech or thought, or disparaging the Noble Ones, have wrong view and will suffer the kammic fate of wrong view.

At the breaking-up of the body after death they are reborn in a lower world, a bad destination, a state of suffering, hell.

But these beings, on account of good conduct of body, speech or thought, of praising the Noble Ones, have right view and will reap the kammic reward of right view.

At the breaking-up of the body after death they are reborn in a good destination, a heavenly world."

Thus with the divine eye... [83] he sees beings passing away and rearing...

96. 'It is just as if there were a lofty building at a crossroads, and a man with good eyesight standing there might see people entering or leaving a house, walking in the street, or sitting in the middle of the crossroads. And he might think: "These are entering a house..."

Just so, with the divine eye, ... he sees beings passing away and rearing...

người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng:

Này các Hiền giả, những chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, lời và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến, những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Hiền giả, còn những chúng sanh nào làm các thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến, những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên các thiện thú, cõi trời, trên đời này.

Như vậy, với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh, vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực, hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước.

97. "Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí.

Vị ấy biết như thật "đây là khổ",
biết như thật "đây là nguyên nhân của khổ",
biết như thật "đây là khổ diệt",
biết như thật "đây là con đường đưa đến khổ diệt",

biết như thật "đây là những lậu hoặc", biết như thật "đây

This is a fruit of the homeless life...

97. 'And he with mind concentrated, purified and cleansed, unblemished, free from impurities, malleable, workable, established and having gained imperturbability, applies and directs his mind to the knowledge of the destruction of the corruptions.¹³⁴

He knows as it really is: "This is suffering", [84]
he knows as it really is: "This is the origin of suffering",
he knows as it really is: "This is the cessation of suffering",
he knows as it really is: "This is the path leading to the cessation of suffering."

là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật "đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật "đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc".

Nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, khởi lên sự hiểu biết: Ta đã giải thoát.

Vị ấy biết: Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

98. Nay Đại vương, ví như tại dãy núi lớn có một hồ nước, thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Một người có mắt, đứng trên bờ sẽ thấy con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá bơi qua lại hay đứng một chỗ.

Vị ấy nghĩ: "Đây là hồ nước thuần tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm. Đây là những con hến, con sò, những hòn đá, hòn sạn, những đàn cá đang bơi qua lại hay đứng yên một chỗ".

Cũng vậy, nay Đại vương, với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyễn dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy. Tỷ-kheo dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí.

Vị ấy biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật "đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật "đây là khổ diệt", biết như thật "đây là con đường đưa đến khổ diệt",

biết như thật "đây là những lậu hoặc", biết như thật "đây là nguyên nhân của lậu hoặc", biết như thật "đây là sự diệt trừ các lậu hoặc", biết như thật "đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc".

And he knows as it really is: "These are the corruptions", "This is the origin of the corruptions", "This is the cessation of the corruptions", "This is the path leading to the cessation of the corruptions."

And through his knowing and seeing his mind is delivered from the corruption of sense-desire, from the corruption of becoming, from the corruption of ignorance, and the knowledge arises in him: "This is deliverance!",

and he knows: "Birth is finished, the holy life has been led, done is what had to be done, there is nothing further here."¹³⁵

98. 'Just as if, Sire, in the midst of the mountains there were a pond, clear as a polished mirror, where a man with good eyesight standing on the bank could see oyster-shells, gravel-banks, and shoals of fish, on the move or stationary.

And he might think: "This pond is clear,... there are oyster-shells ... ",

just so, with mind concentrated,...

Nhờ hiểu biết như vậy, nhờ nhận thức như vậy, tâm của vị ấy thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu.

Đối với tự thân đã giải thoát, vị ấy biết: Sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại, không có đời sống nào khác nữa.

Này Đại vương, đó là quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn, còn vi diệu thù thắng hơn những quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn trước. Này Đại vương, không có một quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn nào vi diệu và thù thắng hơn quả thiết thực hiện tại của hạnh Sa-môn này.

99. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn: "Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật là vi diệu thay, bạch Thế Tôn!

Bạch Thế Tôn, như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc.

Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích.

Và nay con xin quy y Thế Tôn, quy y Pháp và quy y Tỷ-kheo Tăng. Mong Thế Tôn nhận con làm đệ tử, từ nay trở đi cho đến mạng chúng, con trọn đời quy ngưỡng.

Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, con đã hại mạng phụ vương con, một vị vua chơn chánh, để đạt vương quyền.

Mong Thế Tôn nhận cho con tội ấy là một tội để con ngăn chặn về tương lai".

he knows: "Birth is finished, the holy life has been led, done is what had to be done, there is nothing further here." [85]

This, Sire, is a fruit of the homeless life, visible here and now, which is more excellent and perfect than the previous fruits. And, Sire, there is no fruit of the homeless life, visible here and now, that is more excellent and perfect than this.¹³⁶

99. At this King Ajātasattu exclaimed: 'Excellent, Lord, excellent!

It is as if someone were to set up what had been knocked down, or to point out the way to one who had got lost, or to bring an oil-lamp into a dark place, so that those with eyes could see what was there.

Just so the Blessed Lord has expounded the Dhamma in various ways.

And I, Lord, go for refuge to the Blessed Lord, to the Dhamma, and to the Sangha. May the Blessed Lord accept me from this day forth as a lay-follower as long as life shall last!

Transgression¹³⁷ overcame me, Lord, foolish, erring and wicked as I was, in that I for the sake of the throne deprived my father, that good man and just king, of his life.

May the Blessed Lord accept my confession of my evil deed that I may restrain myself in future!¹³⁸

100. - Đại vương, thật là một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện, Đại vương đã hại mạng phụ vương, một vị vua chơn chánh, để đoạt vương quyền. Vì Đại vương đã thấy tội ấy là một tội, đã thú tội đúng với Chánh pháp, Ta nhận tội ấy cho Đại vương.

Đó là một sự tiến bộ, này Đại vương, trong luật pháp của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội, thú tội đúng với Chánh pháp, và ngăn chặn ở tương lai.

101. Được nghe nói vậy, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha bạch Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, nay chúng con phải cáo từ, chúng con có nhiều bổn phận, nhiều việc phải làm".

- Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ ra là phải thời.

Lúc bấy giờ, Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha hoan hỷ tán thán lời dạy của Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Thế Tôn và từ biệt.

102. Lúc bấy giờ, khi Ajātasattu, con bà Videhi, vua nước Magadha đi chưa bao lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất ăn năn, này các Tỷ-kheo, tâm vua ấy rất hối lỗi. Nếu vua ấy không hại mạng vua cha, một vị vua rất chơn chánh, thì tại ngay chỗ ngồi này, vua ấy đã chứng được pháp nhãn, không trần cấu, không ô uế.

Thế Tôn thuyết pháp như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ

100. 'Indeed, Sire, transgression overcame you when you deprived your father, that good man and just king, of his life. But since you have acknowledged the transgression and confessed it as is right, we will accept it.

For he who acknowledges his transgression as such and confesses it for betterment in future, will grow in the Ariyan discipline.'

101. At this, King Ajātasattu said: 'Lord, permit me to depart now. I am busy and have much to do.'

'Do now, Your Majesty, as you think fit.'

Then King Ajātasattu, rejoicing and delighting at these words, rose from his seat, saluted the Lord, and departed with his right side towards him.

102. As soon as the King had gone, [86] the Lord said:

'The King is done for, his fate is sealed, monks!¹³⁹ But if the King had not deprived his father, that good man and just king, of his life, then as he sat here the pure and spotless Dhamma-eye¹⁴⁰ would have arisen in him.'

Thus the Lord spoke, and the monks, delighted, rejoiced

tín thọ lời Thế Tôn dạy.

at his words.

Notes

The numbers in square brackets [] in the actual text refer to the page number of the *Dīgha Nikāya* of the Pali Text Society's edition in Pali.

91 The royal physician. MN 55 (on meat-eating) is addressed to him. See n.417.

92 Reigned ca. 491-459 B.C. He had killed his father, the noble Bimbisāra, to gain the throne. See further n.365.

93 *Uposatha* (Skt. *upavasatha*): here denotes a Brahmin fast-day. Later, in Buddhism the fortnightly day of confession for monks.

94 *Kattika* : mid-October to mid-November.

95 Called after the white water-lily (*kumuda*) which blooms then.

96 'Our heart' is royal plural. Ajātasattu was troubled in conscience on account of his crime: see verse 99.

97 One who trains men (who are capable of being trained) as a charioteer trains horses.

98 The son who was eventually to kill him, only to be murdered in turn by *his* son. It evidently ran in the family (see DPPN).

99 A naked wanderer (DA). Such views as his, involving a denial of any reward or punishment for good and bad deeds, are regarded as especially pernicious.

100 Probably owing to his bad conscience. But the remark also suggests the enormous (and not always deserved) respect in which such wandering teachers were held.

101 'Makkhali of the Cow-Pen', leader of the Ajivikas. See n.66.

102 *Hetu* means 'root' (e.g. greed, hatred or delusion); *paccaya* means 'condition'.

103 *Kamma*: but not quite in the Buddhist sense of 'volitional action'.

104 According to the five outward senses (cf. n.87).

105 Of thought, word and deed.

106 'Half-action', in thought only.

107 Basically, serpent-deities. See Introduction, p. 45.

108 *Nigaṇṭhi-gabbhā*: 'rebirths as a *Nigaṇṭha*'. See n.114.

109 Both the form (*paṭuvā*, *pavuṭā*?) and the meaning of this word are doubtful.

110 The Buddhist view of kamma is thus denied.

111 'Ajita of the Hairy Garment' (he wore a cloak of

human hair): a materialist.

112 Cf. nn.49, 63.

113 Holder of an atomic theory.

114 The name given in the Pali Canon to Vardhamana Mahāvīra (ca. 540 — 568 B.C.?), the leader of the Jains. He is several times referred to (unfavourably) in the Canon, e.g. at MN 56. *Nigaṇṭha* means 'free from bonds'. See next note and n.900.

115 *Sabba-vāri-vārito*, *sabba-vāri-yuto*, *sabba-vāri-dhuto*, *sabba-vāri-phuṭṭo* (with some variant readings). They do not represent the genuine Jain teaching but seem to parody it in punning form. The Jains do have a rule of restraint in regard to water, and *vāri* can mean 'water', 'restraint', or possibly 'sin', and some of the verbal forms are equally dubious. The reference to one 'free from bonds' and yet bound by these restraints (whatever they are) is a deliberate paradox. I am most grateful to K.R. Norman for his very helpful comments. Finally I settled for a slight variation on the Ven. Ñāṇamoli's rendering of the corresponding passage in MN 56.

116 Meritorious deeds (*puñña*) do not lead to enlightenment, but to (temporary) future happiness in this world or another. This is the usual aim of 'popular' Buddhism.

117 Māra, the personified tempter like the Biblical Satan (he appears in person in DN 16). Both Māra and Brahmā are subject to rebirth, and their 'office' is taken over by other beings according to their kamma.

118 Deva again, this time in the sense of 'devas by convention', i.e. kings.

119 *Parimukhatir̥ satir̥ upaṭṭhapetvā*: probably means 'having firmly established mindfulness'. See n.637.

120 Cultivation of the perception of light is given as a standard way of overcoming the hindrance of sloth-and-torpor (*thīna-midha*). See VM 1.140.

121 The five hindrances are temporarily dispelled by the jhāna states.

122 This concludes the Buddha's answer to the first part of the question posed in verse 39.

123 *Uppala* (Skt. *utpala*), *paduma* (Skt. *padma*), *puṇḍarīka* are different kinds of lotus, usually of the colour mentioned.

124 *Upakilesa*: to be distinguished from *kilesa* 'defilement'. Perhaps the 10 'imperfections of insight' listed in VM 20.105ff. are meant; most of these are not defilements in themselves, but potential hindrances at a certain stage of insight meditation.

125 RD points out that this and other passages disprove the idea that consciousness (*viññāṇa*) transmigrates. For holding this belief Sāti was severely rebuked by the Buddha (MN 38). A new relinking consciousness (*patisandhi*) arises at conception, dependent on the old (see VM 17.164ff.).

126 *Veḷuriya*: from a metathetised form *veruliya* comes Greek *beryllos* ‘beryl’, whence German *Brille* ‘spectacles’ (originally of beryl).

127 Exactly like the physical body: cf. n.49. This mind-made body is what is mistaken for a soul or self.

128 *Iddhi* (Skt. *rddhi*, not, as often stated, *siddhi*): translated by RD as ‘The Wondrous Gift’ and glossed as ‘well-being, prosperity’. With dawning recognition of ESP, it is no longer necessary to discount these powers. But despite his mention of them here, the Buddha disapproved of these practices (see DN 11.5).

129 DA has no useful comment on this, and modern commentators too are silent, but ‘touching the sun and moon’ probably refers to some psychic experience. In any case it is certainly not to be taken literally.

130 *Dibba-sota*: clairaudience (cf. n-72).

131 The following list of mental states is doubtless taken from DN 22.12, where it is more appropriate. For notes, see there.

132 The three villages are the three worlds of Sense-Desire, of Form, and the Formless World (DA).

133 *Dibba-cakkhu*: clairvoyance, not to be confused with the Dhamma-eye (verse 102). See n.140.

134 *Āsavā*: from *ā-savati* ‘flows towards’ (i.e. either ‘into’, or ‘out’ towards the observer). Various translated ‘biases’,

‘intoxicants’, ‘influxes’, ‘cankers’ or ‘Deadly Taints’ (RD). A further corruption, that of wrong views (*ditṭhāsava*) is sometimes added. The destruction of the *āsavas* is equivalent to Arahantship.

135 *Nāparam itthatāya*: lit. ‘there is no more of “thusness”’. See DN 15.22.

136 All the preceding ‘fruits’ have led up to this, which alone, as RD points out, is exclusively Buddhist. There are 13 items or groups, and the list, in whole or with some omissions, recurs in every Sutta of Division 1. Summarised, they are: 1. The respect shown to a member of a religious order (verses 35 — 38); 2. The training in morality as in DN 1 (verses 43 — 62); 3. Confidence felt as a result of right action (verse 63); 4. The habit of guarding the sense-doors (verse 64); 5. Resulting mindfulness and clear awareness (verse 65); 6. Being content with little (verse 66); 7. Freedom from the five hindrances (verses 68 — 74); Resulting joy and peace (verse 75); 9. The four jhānas (verses 75-82); 10. Knowledge born of insight (verses 83 — 84); 11. The production of mental images (verses 85 — 86); 12. The five mundane forms of ‘higher knowledge’ (*abhiññā*) (verses 87 — 96); 13. The realisation of the Four Noble Truths, the destruction of the corruptions (= the sixth, supramundane, *abhiññā*), and the attainment of Arahantship (verses 97-98).

137 *Accayo*: often rendered (as by RD) ‘sin’, but this term with its theistic connotations is best avoided when translating Buddhist texts.

138 This is the formula used by bhikkhus when confessing

transgressions.

139 *Khatāyaṃ bhikkhave rājā, upahatāyaṃ bhikkhave rājā*. RD went astray with his translation here: ‘This king, brethren, was deeply affected, he was touched in heart.’ Lit. ‘uprooted and destroyed’, the expression indicates that Ajātasattu was inhibited by his kamma from obtaining the results that would otherwise have accrued, since parricide is one of the evil acts ‘with immediate result’ (in the next world) that cannot be avoided. According to DA, he was unable to sleep until his visit to the Buddha.

140 The opening of the Dhamma-eye (*dhamma-cakkhu*) is a term for ‘entering the stream’ and thus being set irrevocably on the path. As RD points out, it is superior to the divine eye (*dibba-cakkhu*: verse 95 and n.133), which is a superior kind of clairvoyance, and below the wisdom-eye (*paññā-cakkhu*), which is the wisdom of the Arahant.